

Số: 922/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Có chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1822/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Quyết định số 1856/QĐ-LĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐTB&XH tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH (để công bố);
- Lưu: VT, VP, TCGDNN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Dũng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC GIÁO DỤC
NGHỀ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số **922/QĐ-BLĐTBXH** ngày **12** tháng **7** năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ
NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	2.000250	Cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	Thông tư số 41/2019/TT- BLĐTBXH ¹	Giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	1.000567	Cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia		Giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3	1.000546	Cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia		Giáo dục nghề nghiệp	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
4	2.000100	Đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia		Giáo dục nghề nghiệp	Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề

¹ Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp giấy chứng nhận gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp; cấp lại; cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận giấy chứng nhận đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp);

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp/ cấp lại/ cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia là 01 bộ, cụ thể:

*** Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận:**

- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận theo mẫu số 01 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016;

- Quyết định thành lập tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp (Giấy tờ ở dạng bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo mẫu tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự theo mẫu số 03 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016.

*** Đối với hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận:**

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận theo mẫu số 04 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016;

- Giấy chứng nhận đã được cấp, trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất.

*** Đối với hồ sơ đề nghị cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận:**

- Văn bản đề nghị cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận theo mẫu số 04 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016;

- Giấy chứng nhận đã được cấp, trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất.

- Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo mẫu tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 và danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự theo mẫu số 03 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 (được áp dụng đối với trường hợp có đề nghị thay đổi,

bổ sung tên nghề, bậc trình độ kỹ năng nghề (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Giấy tờ chứng minh việc thay đổi tên gọi, địa chỉ nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trong giấy chứng nhận đã được cấp nếu có thay đổi tên gọi, địa chỉ nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề (Giấy tờ là bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm theo bản chính để đối chiếu).

d. Thời hạn giải quyết: 10 (mười) ngày làm việc.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức có nhu cầu được cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

h. Lệ phí: không

i. Tên mẫu đơn, tên tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận theo mẫu số 01 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 nếu đề nghị cấp;

- Văn bản đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đã cấp theo mẫu số 04 Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016;

- Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo mẫu tại Phụ lục 06 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự theo mẫu số 03 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 (là tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 140/2018/NĐ-CP về nhân lực trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

+ Có cơ sở vật chất (phòng chuyên môn, kỹ thuật và nhà, xưởng, mặt bằng) và trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) theo danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, bảo đảm tương ứng với số lượng người tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trong một đợt kiểm tra kiến thức chuyên môn, kỹ thuật (sau đây viết tắt là kiểm tra kiến thức) hoặc kiểm tra kỹ năng thực hành công việc và quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động ở một bậc trình độ kỹ năng của mỗi nghề thực hiện trong cùng một thời điểm;

+ Có hệ thống thiết bị quan sát, giám sát bằng hình ảnh, âm thanh được kết nối với mạng Internet, bảo đảm cho việc quan sát, theo dõi, giám sát được tất cả các hoạt động diễn ra trong quá trình thực hiện việc kiểm tra kiến thức và kiểm tra thực hành công việc và quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động của người tham dự;

+ Có trang thông tin điện tử riêng bảo đảm cho người lao động có thể đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trực tuyến.

- Về nhân lực trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề của người tham dự:

Có ít nhất là 01 (một) người đang làm việc chính thức tại tổ chức đánh giá kỹ năng nghề, có thể đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia phù hợp với nghề và bậc trình độ kỹ năng nghề đề nghị cấp giấy chứng nhận.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (*Được bổ sung*);

2. Thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Bước 2: Ngay khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp hồ sơ không đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho người nộp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, thì có trách nhiệm cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia là 01 bộ, cụ thể:

*** Đối với hồ sơ đề nghị cấp thẻ đánh giá viên:**

- Tờ khai đề nghị cấp thẻ đánh giá viên của cá nhân theo mẫu số 01 Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 có kèm 01 (một) ảnh màu có kích cỡ 3x4 cm (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Tài liệu chứng minh đáp ứng được một trong các điều kiện quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 11 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 (Tài liệu ở dạng bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm theo bản chính để đối chiếu).

Cụ thể:

+ *Bậc 1:*

- . Bản chụp bằng/giấy chứng nhận nghề nhân cấp quốc gia.
- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia từ bậc 3 trở lên.
- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động.
- . Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng/ đại học và hợp đồng lao động.

+ *Từ bậc 1 đến bậc 2:*

- . Bản chụp bằng/giấy chứng nhận nghề nhân cấp quốc gia.
- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia từ bậc 3 trở lên.
- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động.
- . Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng/ đại học và hợp đồng lao động.

+ *Từ bậc 1 đến bậc 3:*

- . Bản chụp bằng/giấy chứng nhận nghề nhân cấp quốc gia.
- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên.
- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động.
- . Bản chụp bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên và hợp đồng lao động.

+ *Từ bậc 1 đến bậc 4:*

- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5.
- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 và hợp đồng lao động.
- . Bản chụp bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên và hợp đồng lao động.

+ *Từ bậc 1 đến bậc 5:*

- . Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 và hợp đồng lao động.
- . Bản chụp bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên và hợp đồng lao động.

*** Đối với hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ đánh giá viên:**

- Tờ khai đề nghị cấp lại thẻ đánh giá viên của cá nhân theo mẫu số 02 Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 có kèm 01 (một) ảnh màu có kích cỡ 3x4 cm (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Thẻ đánh giá viên đã được cấp, trừ trường hợp thẻ đánh giá viên bị mất.

* Đối với hồ sơ đề nghị cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên:

- Tờ khai đề nghị cấp thay đổi thẻ đánh giá viên của cá nhân theo mẫu số 02 Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 có kèm 01 (một) ảnh màu có kích cỡ 3x4 cm (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Thẻ đánh giá viên đã được cấp, trừ trường hợp thẻ đánh giá viên bị mất;

- Tài liệu chứng minh thay đổi, bổ sung bậc trình độ kỹ năng nghề đảm bảo đáp ứng điều kiện cấp thẻ đánh giá viên quy định tại Điều 11 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 (Tài liệu ở dạng bản sao có chứng thực hoặc bản photo kèm theo bản chính để đối chiếu).

d. Thời hạn giải quyết: 07 (bảy) ngày làm việc.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người có nhu cầu được cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia.

h. Lệ phí: không

i. Tên mẫu đơn, tên tờ khai:

Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên được lập theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02 Phụ lục 07 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người được cấp, cấp lại, cấp đổi, bổ sung thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hoàn thành khóa đào tạo về nghiệp vụ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia.
- Đáp ứng được một trong các điều kiện về trình độ kỹ năng, chuyên môn, kinh nghiệm cụ thể sau:

- **Bậc 1:**

+ Đã được công nhận nghệ nhân cấp quốc gia về nghề đó;

+ Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 trở lên của nghề đó hoặc là người đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 của nghề đó và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó;

+ Đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp, hiện

đang giảng dạy từ trình độ trung cấp trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp.

- Từ bậc 1 đến bậc 2:

+ Đã được công nhận nghệ nhân cấp quốc gia về nghề đó;

+ Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 trở lên của nghề đó hoặc là người đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 của nghề đó và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó;

+ Đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy từ trình độ trung cấp trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp.

- Từ bậc 1 đến bậc 3:

+ Đã được công nhận nghệ nhân cấp quốc gia về nghề đó;

+ Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 trở lên của nghề đó hoặc là người đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 của nghề đó và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó;

+ Đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy từ trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát.

- Từ bậc 1 đến bậc 4:

+ Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 của nghề đó hoặc là người đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 của nghề đó và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó;

+ Đã tốt nghiệp đại học trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và có ít nhất 10 (mười) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy từ trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát.

- Từ bậc 1 đến bậc 5:

+ Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 của nghề đó và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó;

+ Đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và có ít nhất 15 (mười lăm) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy từ trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (*Được bổ sung*);

3. Thủ tục cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

a. Trình tự thực hiện: (*Được sửa đổi, bổ sung*)

- Bước 1: Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoặc người có nhu cầu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đến Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Bước 2: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, quyết định quyết định cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: (*Được sửa đổi, bổ sung*)

* Đối với đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu:

Hồ sơ đề nghị là 01 bộ, gồm:

- Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề được lập theo mẫu số 01 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho những người đạt yêu cầu theo Mẫu 02, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 và đính kèm theo từng người có tên trong danh sách 01 (một) ảnh màu nền màu trắng cỡ 03 x 04 cm kiểu chứng minh nhân dân (ảnh chụp trong vòng 6 tháng) (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Quyết định của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo có kèm theo bản tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành của người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia do ban giám khảo lập với đầy đủ thành viên trong ban giám khảo ký tên xác nhận kết quả đánh giá.

** Đối với đề nghị đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia:*

Hồ sơ đề nghị là 01 bộ, gồm:

- Tờ khai đề nghị đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được lập theo mẫu số 01 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 và 01 (một) ảnh màu nền màu trắng cỡ 03 x 04 cm kiểu chứng minh nhân dân của người đó (ảnh chụp trong vòng 6 tháng) (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp.

** Đối với đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia:*

Hồ sơ đề nghị là 01 bộ, gồm:

- Tờ khai đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được lập theo mẫu số 02 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 và 01 (một) ảnh màu nền màu trắng cỡ 03 x 04 cm kiểu chứng minh nhân dân của người đó (ảnh chụp trong vòng 6 tháng) (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp (trừ trường hợp chứng chỉ đã cấp bị mất).

- Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi một số nội dung ghi trên chứng chỉ đã cấp, đề nghị nộp bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi hoặc bản chụp giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi kèm theo xuất trình bản chính để đối chiếu khi nộp trực tiếp.

d. Thời hạn giải quyết: 10 (mười) ngày làm việc.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề hoặc người có nhu cầu cấp; đổi; cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

h. Lệ phí: không

i. Tên mẫu đơn, tên tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề được lập theo mẫu số 01 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho những người đạt yêu cầu theo Mẫu 02, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Tờ khai đề nghị đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được lập theo mẫu số 01 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Tờ khai đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được lập theo mẫu số 02 tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã đạt yêu cầu tại kỳ đánh giá.

- Người lao động đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia có đề nghị được đổi hoặc cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (*Được bổ sung*);

4. Thủ tục đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

a. Trình tự thực hiện:

- Trường hợp đăng ký trực tuyến:

+ Bước 1: Người tham dự điền các thông tin theo yêu cầu vào các vị trí thích hợp có trên phiếu đăng ký tham dự trên trang thông tin điện tử của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề; In phiếu đăng ký tham dự sau khi đã điền đủ thông tin;

+ Bước 2: Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đối chiếu điều kiện tham dự ở các bậc trình độ kỹ năng nghề với các thông tin trên phiếu đăng ký tham dự theo từng cá nhân mà người đăng ký tham dự đã thực hiện và chậm nhất 07 (bảy) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia phải hoàn thành việc gửi cho người đăng ký tham dự phiếu báo dự kiểm tra của từng cá nhân.

- Trường hợp trực tiếp đăng ký hoặc gửi hồ sơ đăng ký qua đường bưu điện:

+ Bước 1: Người đăng ký tham dự ghi đầy đủ các thông tin cần thiết theo yêu cầu trong phiếu đăng ký tham dự theo từng cá nhân và dán ảnh của cá nhân vào phiếu có kèm theo 01 (một) bản chụp các loại giấy tờ chứng minh là cá nhân mình đáp ứng một trong những điều kiện quy định;

+ Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký tham dự cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

+ Bước 3: Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề kiểm tra hồ sơ đăng ký tham dự và chậm nhất 07 (bảy) ngày trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia phải

hoàn thành việc gửi người đăng ký tham dự phiếu báo dự kiểm tra của từng cá nhân; trường hợp hồ sơ đăng ký không phù hợp thì chậm nhất sau 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký tham dự của từng cá nhân phải có văn bản thông báo cho người đăng ký tham dự để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trước khi bắt đầu kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ít nhất 09 (chín) ngày.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp hồ sơ đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia là 01 bộ, gồm:

- Phiếu đăng ký tham dự có dán ảnh màu nền màu trắng của cá nhân, cỡ 04 x 06 cm chụp kiểu chứng minh nhân dân theo mẫu tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (*Được sửa đổi, bổ sung*);

- Một (01) bản chụp một trong các loại giấy tờ chứng minh đáp ứng được một trong những điều kiện quy định tại Điều 16 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP (trừ trường hợp tham dự đánh giá ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 1 của một nghề) hoặc bản chụp các loại giấy tờ chứng nhận đạt được huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN đối với trường hợp đăng ký tham dự của cá nhân người đạt huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 3 tương ứng với nghề đã đạt được huy chương, cụ thể:

+ Bậc 1: không cần giấy tờ chứng minh.

+ Bậc 2:

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp chứng chỉ sơ cấp/chứng chỉ nghề và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc giấy xác nhận học xong chương trình trung cấp nghề/học xong chương trình trung cấp chuyên nghiệp.

. Bản chụp hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc.

+ Bậc 3:

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó.

. Bản chụp bằng nghề/bằng công nhân kỹ thuật và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó.

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp chứng chỉ sơ cấp/chứng chỉ nghề và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề/bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc giấy xác nhận học xong chương trình cao đẳng nghề/học xong chương trình cao đẳng.

. Bản chụp hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc.

. Bản chụp giấy tờ ghi nhận/chứng nhận thành tích, huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN.

+ Bậc 4:

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó

. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề/bằng tốt nghiệp cao đẳng và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó.

. Bản chụp bằng nghề/bằng công nhân kỹ thuật và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó.

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp chứng chỉ sơ cấp/chứng chỉ nghề và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy xác nhận học xong chương trình đại học.

. Bản chụp hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc.

+ Bậc 5:

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó.

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó.

. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 và hợp đồng lao động hoặc

giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp chứng chỉ sơ cấp/chứng chỉ nghề và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó.

. Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó.

. Bản chụp hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc.

d. Thời hạn giải quyết: 7 (bảy) ngày làm việc.

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người lao động có nhu cầu đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở một bậc trình độ kỹ năng nghề của một nghề hoặc người sử dụng lao động đăng ký cho người lao động đang làm việc tại đơn vị mình tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở một bậc trình độ kỹ năng nghề của một nghề nào đó phù hợp với khả năng của từng người và người đạt được huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 3 tương ứng với nghề đã đạt được huy chương.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu báo dự kiểm tra.

h. Lệ phí: không

i. Tên mẫu đơn, tên tờ khai:

- Phiếu đăng ký tham dự theo mẫu tại Phụ lục 09 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (Được sửa đổi, bổ sung);

- Phiếu báo dự kiểm tra theo mẫu tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 (Được sửa đổi, bổ sung);

k. Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Bậc 1: người lao động có nhu cầu đều được tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Bậc 2:

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó;

+ Học xong chương trình trung cấp (trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp) tương ứng với nghề tham dự;

+ Có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề đó.

- Bậc 3:

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp (trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp hoặc bằng nghề, công nhân kỹ thuật) tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đó;

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó;

+ Học xong chương trình cao đẳng (cao đẳng nghề) tương ứng với nghề tham dự;

+ Có ít nhất 06 (sáu) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề đó;

+ Người đạt được huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN tương ứng với nghề tham dự.

- Bậc 4:

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng (cao đẳng nghề) tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đó;

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp (trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp hoặc bằng nghề, công nhân kỹ thuật) tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 06 (sáu) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đó;

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 09 (chín) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó;

+ Học xong chương trình đại học tương ứng với nghề tham dự;

+ Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề đó.

- Bậc 5:

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 hoặc bằng tốt nghiệp đại học tương ứng với nghề tham dự và có thời gian ít nhất 05 (năm) năm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đó;

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng (cao đẳng nghề) tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 09 (chín) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đó;

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp (trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp hoặc bằng nghề, công nhân kỹ thuật) tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 12 năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp đó;

+ Có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng chỉ sơ cấp tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 14 năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học tương ứng với nghề tham dự và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề kể từ khi có bằng tốt nghiệp đó;

+ Có ít nhất 15 năm kinh nghiệm làm việc liên tục trong nghề đó.

1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

- Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (*Được bổ sung*);

Mẫu số 01 - Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../⁽²⁾... - ...

.....⁽³⁾....., ngày.....tháng..... năm 20.....

V/v đề nghị cấp giấy chứng
nhận hoạt động đánh giá, cấp
chứng chỉ kỹ năng nghề quốc
gia

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

.....⁽¹⁾.....

Địa chỉ trụ sở chính:⁽⁴⁾.....

Điện thoại/Fax: E.mail:.....

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

ngày ... tháng ... nămcủa⁽⁵⁾.....

.....⁽¹⁾..... xin gửi kèm theo công văn này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ
và tài liệu sau: ⁽⁶⁾

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Bản sao quyết định thành lập | <input type="checkbox"/> |
| 2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| 3. Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị | <input type="checkbox"/> |
| 4. Danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề | <input type="checkbox"/> |

Đề nghị Quý Bộ xem xét cấp giấy chứng nhận hoạt động, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với.....⁽¹⁾..... ./.

(7)

(10)

(8)

(9)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽²⁾ Chữ viết tắt của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽⁴⁾ Ghi địa chỉ của nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁵⁾ Ghi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

⁽⁶⁾ Đánh dấu X vào các ô thích hợp;

⁽⁷⁾ Chức danh của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁸⁾ Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁹⁾ Họ và tên của người ký;

⁽¹⁰⁾ Nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính.

PHỤ LỤC 06
MẪU TÀI LIỆU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, BỔ SUNG,
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày.....tháng..... năm 20.....

BẢN KÊ KHAI VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ

I. Phần kê khai chung về cơ sở vật chất

1. Tổng diện tích mặt bằng: m²; trong đó:
 - a) Diện tích xây dựng nhà, xưởng: m²;
 - b) Diện tích xây dựng công trình khác (biển áp, xử lý nước, bể bơi, ...): m²;
 - c) Diện tích mặt bằng kỹ thuật (sân, bển, bãi sát hạch, thi công, ...): m²;
 - d) Diện tích khác (vườn hoa, sân thể thao, ...): m²;
2. Sơ đồ mặt bằng bố trí nhà, xưởng, mặt bằng kỹ thuật, công trình xây dựng khác.
3. Tổng diện tích xây dựng sử dụng: m²; trong đó:
 - a) Diện tích các xưởng, phòng chuyên môn, kỹ thuật: m²;
 - b) Diện tích các phòng học, hội họp: m²;
 - c) Diện tích văn phòng, phòng làm việc: m²;
 - d) Diện tích phụ trợ (cầu thang, sảnh chờ, hành lang, khu vệ sinh): m²;
4. Hệ thống phụ trợ.
 - a) Báo cháy, phòng cháy, chữa cháy:
 - b) Máy phát điện:
 - c) Hệ thống kỹ thuật khác (cấp khí, cấp nhiệt, ...):
5. Hệ thống thiết bị giám sát, quan sát, thông tin liên lạc (camera, màn hình, ...):
6. Trang thông tin điện tử.
7. Cơ sở vật chất khác.

II. Phần kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo từng nghề

A. Đối với nghề:⁽³⁾.....

1. Diện tích sử dụng cho người tham dự thực hiện bài kiểm tra kiến thức.
Số phòng kiểm tra kiến thức có gắn camera giám sát: ...⁽⁴⁾... ; trong đó:

a) Phòng:⁽⁵⁾.....; diện tích: m²
 bố trí được: ...⁽⁶⁾... vị trí kiểm tra; có: ...⁽⁷⁾... camera giám sát;
 ...⁽⁸⁾...

2. Diện tích sử dụng cho người tham dự thực hiện bài kiểm tra thực hành.

a) Số xưởng, phòng chuyên môn, kỹ thuật có gắn camera giám sát: ...⁽⁴⁾...; trong đó:
 - Xưởng, phòng⁽⁵⁾.....; diện tíchm²
 bố trí được: ...⁽⁶⁾... vị trí kiểm tra; có: ...⁽⁷⁾... camera giám sát;
 ...⁽⁸⁾...

b) Số lượng mặt bằng kỹ thuật: ...⁽⁴⁾...; trong đó:
 Mặt bằng kỹ thuật⁽⁵⁾.....; diện tíchm²;
 bố trí được: ...⁽⁶⁾... vị trí kiểm tra;
 ...⁽⁸⁾...

3. Khu vực chờ và quan sát người tham dự thực hiện bài kiểm tra.

a) Số khu vực chờ và quan sát người tham dự thực hiện bài kiểm tra: ...⁽⁴⁾...; trong đó:
 Khu vực chờ và quan sát có màn hình kết nối với các camera gắn trong các phòng kiểm tra ...⁽⁴⁾... và có: tổng diện tích m²;

Khu vực chờ và quan sát tại các mặt bằng kỹ thuật ...⁽⁴⁾... và có: tổng diện tích m².

4. Danh mục trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) phục vụ người tham dự thực hiện bài kiểm tra thực hành và cho ban giám khảo đánh giá kỹ năng thực hành:

Số TT	Tên trang thiết bị	Hãng sản xuất	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
1							
2							
...							

Số lượng trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) đủ để trang bị cho ...⁽⁶⁾... vị trí kiểm tra ở các bậc trình độ kỹ năng ...⁽⁹⁾... .

B. Đối với nghề:⁽³⁾.....
 ...⁽¹⁰⁾...

C. ...⁽¹¹⁾...

III. Địa điểm dự kiến thực hiện đánh giá kỹ năng nghề quốc gia

1. Tại địa điểm:.....⁽¹⁵⁾..... dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia:

STT	Tên nghề	Bậc trình độ kỹ năng
1		

...		
-----	--	--

2. Tại địa điểm:.....⁽¹⁵⁾ dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia:

STT	Tên nghề	Bậc trình độ kỹ năng
1		
...		

.....

.....⁽¹⁾..... cam kết và đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị trong bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị này là thuộc quyền sở hữu và được quyền sử dụng (xin gửi kèm theo đây các bản sao giấy tờ để chứng minh) trong việc đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia./.

(12)

(13)

(14)

-
- (1) Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
 - (2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
 - (3) Ghi tên nghề đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
 - (4) Ghi rõ số lượng phòng/xưởng, phòng chuyên môn kỹ thuật/mặt bằng kỹ thuật/khu vực chờ;
 - (5) Ghi tên hoặc số thứ tự của phòng/xưởng, phòng chuyên môn kỹ thuật/mặt bằng kỹ thuật/khu vực chờ đó;
 - (6) Ghi số lượng vị trí kiểm tra;
 - (7) Ghi rõ số lượng camera giám sát có trong phòng, xưởng đó;
 - (8) Tiếp tục kê khai đối với phòng, xưởng, mặt bằng, khu vực chờ khác tương tự như đã kê khai trước đó;
 - (9) Ghi theo bậc trình độ kỹ năng nghề;
 - (10) Các nội dung kê khai đối với nghề này tương tự như với nghề đã kê khai trước;
 - (11) Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);
 - (12) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
 - (13) Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
 - (14) Họ và tên của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;
 - (15) Địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá kỹ năng nghề.

Mẫu số 03 - Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày.....tháng..... năm 20.....

DANH SÁCH DỰ KIẾN NHỮNG NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN VIỆC
ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ

A. Đối với nghề:⁽³⁾.....

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Vị trí/ chức danh đang đảm nhận	Số CCCD/ CMND/ Hộ chiếu	Mã số thẻ đánh giá viên ⁽⁴⁾	Bậc trình độ kỹ năng đánh giá ⁽⁵⁾
1						
2						
...						

B. Đối với nghề:⁽³⁾.....

...⁽⁶⁾...

C. ...⁽⁷⁾...

Tổng số người có tên trong danh sách là người./.

(8)

(9)

(10)

(1) Tên tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

(3) Ghi tên nghề đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

(4) Theo mã số trong thẻ đánh giá viên của người được cấp thẻ;

(5) Theo bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá trong thẻ đánh giá viên của người được cấp thẻ;

(6) Các nội dung kê khai đối với nghề này tương tự như với nghề đã kê khai trước;

(7) Tiếp tục với các nghề khác (nếu có);

(8) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(9) Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận;

(10) Họ và tên của người ký.

Mẫu số 04 - Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....⁽¹⁾.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...⁽²⁾... - ...

.....⁽³⁾....., ngày.....tháng..... năm 20.....

V/v đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

.....⁽¹⁾.....

Địa chỉ trụ sở chính:⁽⁴⁾.....

Điện thoại/Fax:E.mail:.....

Đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:.....⁽⁵⁾..... ngày ... tháng ... năm

Lý do thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá đã được cấp:⁽⁶⁾

- 1. Do thay đổi, bổ sung tên nghề, bậc trình độ kỹ năng nghề
- 2. Do thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở chính
- 3. Do thay đổi tên gọi của tổ chức
- 4. Do bị mất giấy chứng nhận hoạt động đánh giá đã được cấp
- 5. Do giấy chứng nhận hoạt động đánh giá đã được cấp bị hư, hỏng

.....⁽¹⁾..... xin gửi kèm theo công văn này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ và tài liệu sau:

- 1. Bản kê khai về cơ sở vật chất, trang thiết bị ⁽⁷⁾
- 2. Danh sách dự kiến những người trực tiếp thực hiện việc đánh giá kỹ năng nghề ⁽⁸⁾
- 3. Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ⁽⁹⁾
- 4. Giấy chứng nhận hoạt động đánh giá đã được cấp bị hư, hỏng ⁽¹⁰⁾

Đề nghị Quý Bộ xem xét cho thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận hoạt động, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với⁽¹⁾.....

(11)

(14)

(12)

(13)

⁽¹⁾ Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽²⁾ Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽³⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽⁴⁾ Ghi địa chỉ của nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽⁵⁾ Ghi cụ thể số hiệu của giấy chứng nhận đã được cấp;

⁽⁶⁾ Đánh dấu X vào ô thích hợp;

^{(7), (8)} Đánh dấu X vào hai ô này với trường hợp đề nghị thay đổi, bổ sung tên nghề, bậc trình độ kỹ năng nghề;

⁽⁹⁾ Đánh X vào ô này với trường hợp thay đổi nơi đặt trụ sở chính hoặc thay đổi tên gọi của tổ chức;

⁽¹⁰⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp giấy chứng nhận đã cấp bị hư, hỏng;

⁽¹¹⁾ Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽¹²⁾ Chữ ký của người đứng đầu và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

⁽¹³⁾ Họ và tên của người ký;

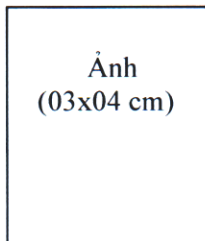
⁽¹⁴⁾ Nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính.

PHỤ LỤC 07
MẪU TÀI LIỆU THUỘC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI THẺ
ĐÁNH GIÁ VIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN
KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên: Giới tính :.....
Ngày sinh:.....Quốc tịch:.....
CCCD/CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:
Địa chỉ liên hệ:
Điện thoại:E.mail:
Tôi đang làm nghề:⁽¹⁾.....và có được một trong điều kiện sau: ⁽²⁾

- a) Đã được công nhận là nghệ nhân cấp quốc gia về nghề đó
- b) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 về nghề đó
- c) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 về nghề đó và:
- c1. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó
- c2. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó
- d) Đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và:
- d1. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ trung cấp trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp
- d2. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ trung cấp trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp
- đ) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 về nghề đó
- e) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 về nghề đó và có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi có chứng chỉ đó
- g) Đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên về ngành học tương ứng với nghề đó và:
- g1. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát
- g2. Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý, giám sát
- g3. Có ít nhất 15 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi tốt nghiệp hiện đang giảng dạy trình độ cao đẳng trở lên hoặc đang làm việc tại cơ sở y tế, doanh nghiệp giữ vị trí quản lý,

giám sát

h) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 về nghề đó

i) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 về nghề đó và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó

k) Đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 về nghề đó và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong nghề kể từ khi được cấp chứng chỉ đó

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ, tài liệu sau đây:

1. Bản chụp bằng/giấy chứng nhận nghề nhân cấp quốc gia ⁽³⁾
2. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 ⁽⁴⁾
3. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động ⁽⁵⁾
4. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng/ đại học và hợp đồng lao động ⁽⁶⁾
5. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 ⁽⁷⁾
6. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động ⁽⁸⁾
7. Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học và hợp đồng lao động ⁽⁹⁾
8. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 ⁽¹⁰⁾
9. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 và hợp đồng lao động ⁽¹¹⁾
10. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 5 và hợp đồng lao động ⁽¹²⁾

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho tôi ./.

.....⁽¹³⁾....., ngày ... tháng ... năm 20.....

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

(1) Ghi tên nghề mà người khai đang làm;

(2) Đánh dấu X vào ô có được điều kiện đó;

(3) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện a;

(4) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện b;

(5) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện c1 hoặc c2 ;

(6) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện d1 hoặc d2;

(7) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện đ;

(8) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện e;

(9) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện g1 hoặc g2 hoặc g3;

(10) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện h;

(11) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện i;

(12) Đánh dấu X vào ô này với trường hợp đã đánh dấu X vào ô có được điều kiện k;

(13) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
(03x04 cm)

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/CẤP ĐỔI
THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên: Giới tính :.....
Ngày sinh:.....Quốc tịch:.....
CCCD/CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:
Địa chỉ liên hệ:
Điện thoại: E.mail:
Tôi đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia của nghề:.....⁽¹⁾
và các bậc trình độ được phép đánh giá:.....^(1a)
ngày cấpMã số:⁽²⁾

Lý do đề nghị cấp lại/cấp đổi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia: ⁽³⁾

1. Do bổ sung, thay đổi bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá
2. Do thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp bị hư, hỏng
3. Do bị mất thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này bộ hồ sơ gồm có các giấy tờ và tài liệu sau:

1. Bản chụp các giấy tờ chứng minh có được một trong các điều kiện quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 11 Nghị định số 31/2015/NĐ-CP của Chính phủ ⁽⁴⁾
2. Thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp ⁽⁵⁾
3. Một (01) ảnh màu của cá nhân nền màu trắng cỡ 03x04cm chụp kiểu chứng minh nhân dân.

Đề nghị Quý Cơ quan xem xét cấp lại/cấp đổi thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho tôi./.

.....⁽⁶⁾....., ngày ... tháng ... năm 20.....

NGƯỜI KHAI
(Ký và ghi rõ họ và tên)

-
- ⁽¹⁾ Ghi tên nghề đã được cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia;
^(1a) Ghi các bậc trình độ được phép đánh giá có trong thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp
⁽²⁾ Ghi mã số có trong thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp;
⁽³⁾ Đánh dấu X vào một ô thích hợp;
⁽⁴⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp bổ sung thay đổi bậc trình độ kỹ năng nghề được phép đánh giá;
⁽⁵⁾ Đánh dấu X vào ô này với trường hợp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp bị hư, hỏng;
⁽⁶⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC 02

MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mẫu 01

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV -⁽²⁾.....⁽³⁾....., ngày tháng năm 20.....
V/v cấp chứng chỉ kỹ năng nghề
quốc gia

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

.....⁽¹⁾.....

Địa chỉ :⁽⁵⁾.....

Điện thoại/Fax: Email:

Trang thông tin điện tử (Website):.....

.....⁽¹⁾....., xin gửi kèm theo công
văn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1. Quyết định công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo;
2. Bản tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành của người tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
3. Danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người tham dự đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu.

Đề nghị Quý cơ quan xem xét cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho những người có tên trong danh sách nêu trên./.

(9)

(6)

(7)

(8)

(1) Tên của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

(2) Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

(3) Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

(5) Ghi rõ địa chỉ nơi đóng trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

(6) Chức danh người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

(7) Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

(8) Họ và tên đầy đủ của người ký;

(9) Ghi nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính.

Mẫu 02.....⁽¹⁾.....
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /CV -⁽²⁾.....⁽³⁾....., ngày tháng năm 20.....**DANH SÁCH**
ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề⁽⁴⁾.....
được tổ chức từ ngày⁽⁵⁾.....
tại.....⁽⁶⁾.....

Số TT	Họ và tên	Ảnh 03x04cm	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	CCCD/CMND/ Hộ chiếu		Bậc trình độ
						Số	Ngày cấp	
1								
2								
...								

Tổng cộng có.....⁽⁷⁾..... người trong danh sách đề nghị./.

NGƯỜI LẬP

⁽⁸⁾⁽¹¹⁾⁽⁹⁾⁽¹⁰⁾

-
- (1) Tên của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(2) Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(3) Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
(4) Ghi đầy đủ tên nghề thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
(5) Ghi ngày, tháng, năm tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;
(6) Ghi địa điểm thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
(7) Ghi tổng số người trong danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
(8) Chức danh người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(9) Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;
(10) Họ và tên đầy đủ của người ký;
(11) Chữ ký, họ và tên đầy đủ của người lập danh sách.

PHỤ LỤC 03

MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA (Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾, ngày tháng năm 20....

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ ĐỔI CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên:⁽²⁾ Giới tính:.....

Ngày sinh:⁽³⁾ Quốc tịch:.....

Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu: Ngày cấp:.....

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email (nếu có):

Tôi đã tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia năm:
.....⁽⁴⁾ tại:.....⁽⁵⁾

và đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:⁽⁶⁾

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này các giấy tờ sau:

1. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp

2. Ảnh 03 x 04 cm

Đề nghị Quý cơ quan xem xét đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽²⁾ Ghi họ và tên theo kiểu chữ in hoa;

⁽³⁾ Ghi ngày, tháng, năm sinh của người đề nghị đổi chứng chỉ;

⁽⁴⁾ Ghi rõ năm tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁶⁾ Ghi số hiệu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp.

Mẫu 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾....., ngày tháng năm 20....

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

Họ và tên:⁽²⁾..... Giới tính:.....
Ngày sinh:⁽³⁾..... Quốc tịch:.....
Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu: Ngày cấp.....
Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại: Email (nếu có):
Tôi đã tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia năm:⁽⁴⁾.....
tại:⁽⁵⁾.....
và đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:⁽⁶⁾.....

Lý do xin cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp: ⁽⁷⁾

- 1. Do bị hỏng, rách
- 2. Do có sự thay đổi nội dung trên chứng chỉ đã cấp
- 3. Do bị mất

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này các giấy tờ sau:⁽⁸⁾

- 1. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hỏng, rách
- 2. Giấy tờ chứng minh sự thay đổi nội dung trên chứng chỉ đã cấp (.....⁽⁹⁾.....)
- 3. Ảnh 3 x 4 cm

Đề nghị Quý cơ quan xem xét cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

⁽²⁾ Ghi họ và tên theo kiểu chữ in hoa;

⁽³⁾ Ghi ngày, tháng, năm sinh của người đề nghị cấp lại chứng chỉ;

⁽⁴⁾ Ghi rõ năm tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽⁶⁾ Ghi số hiệu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp;

⁽⁷⁾ ⁽⁸⁾ Đánh dấu X vào ô thích hợp;

⁽⁹⁾ Ghi rõ tên giấy tờ chứng minh sự thay đổi nội dung.

PHỤ LỤC 08

MẪU PHIẾU BÁO DỰ KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾..., ngày ... tháng ... năm 20.....

PHIẾU BÁO DỰ KIỂM TRA

.....⁽¹⁾..... thông báo:

Họ và tên người tham dự: Giới tính:.....

Ngày sinh:..... Quốc tịch:.....

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu: ngày cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: E.mail:

Đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc⁽³⁾..... của nghề⁽⁴⁾.....

Có mặt để tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia ...⁽⁵⁾... năm

Thời gian:⁽⁶⁾.....

Địa điểm:⁽⁷⁾.....

Khi đến tham dự cần chuẩn bị và mang theo các loại giấy tờ, vật dụng sau đây:

1. Giấy CMND hoặc CCCD hoặc hộ chiếu và phiếu báo dự kiểm tra này;

(đối với trường hợp đăng ký trực tuyến ngoài mang theo các giấy tờ trên, cần mang theo phiếu đăng ký tham dự đã in được khi đăng ký trực tuyến có ảnh màu nền màu trắng của cá nhân, cỡ 04x06cm chụp kiểu chứng minh nhân dân và kèm theo bản chụp các loại giấy tờ chứng minh đáp ứng được điều kiện đã đăng ký tham dự)

2. Tài liệu, vật dụng, dụng cụ, thiết bị được mang theo để sử dụng khi thực hiện các bài kiểm tra lý thuyết, bài kiểm tra thực hành và trang bị bảo hộ lao động (có danh mục⁽⁸⁾ kèm theo);

3. Tiền thuê dụng cụ, thiết bị và mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu để sử dụng khi thực hiện bài kiểm tra (có bảng giá⁽⁹⁾ kèm theo);

4. Đồ dùng cá nhân và tiền sinh hoạt phí trong thời gian tham dự.

(10)

(11)

(12)

(1) Tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề.

(2) Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;

(3) Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề mà người tham dự đã đăng ký;

(4) Ghi tên nghề mà người tham dự đã đăng ký;

(5) Ghi theo số của kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;

(6) Ghi rõ thời gian có mặt cụ thể về giờ, ngày, tháng, năm;

(7) Ghi rõ địa chỉ về của địa điểm nơi tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đó;

(8) Danh mục được lập theo các tài liệu hướng dẫn sử dụng trong kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia đối với từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cung cấp;

(9) Bảng giá tiền thuê, mua do tổ chức đánh giá kỹ năng nghề lập căn cứ mức giá cả theo cơ chế thị trường;

(10) Chức danh của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

(11) Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề;

(12) Họ và tên của người ký.

PHỤ LỤC 09
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Ảnh
(04 x 06 cm))

PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ
ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Nghề⁽¹⁾.....

Bậc trình độ kỹ năng nghề ...⁽²⁾...

Họ và tên: Giới tính :.....

Ngày sinh:.....Quốc tịch:.....

CCCD/CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:E.mail:

Xin gửi kèm theo phiếu đăng ký này các giấy tờ chứng minh đáp ứng được một trong những điều kiện để tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tương ứng với nghề và bậc trình độ kỹ năng nghề đăng ký như sau: ⁽³⁾

1. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó
2. Bản chụp chứng chỉ sơ cấp/chứng chỉ nghề và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó
3. Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc giấy xác nhận học xong chương trình trung cấp nghề/học xong chương trình trung cấp chuyên nghiệp
4. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó
5. Bản chụp bằng nghề/bằng công nhân kỹ thuật và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó
6. Bản chụp bằng tốt nghiệp trung cấp nghề/bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó
7. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề/bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc giấy xác nhận học xong chương trình cao đẳng nghề/học xong chương trình cao đẳng
8. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó

9. Bản chụp bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề/bằng tốt nghiệp cao đẳng và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng đó
10. Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy xác nhận học xong chương trình đại học
11. Bản chụp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 4 và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có chứng chỉ đó
12. Bản chụp bằng tốt nghiệp đại học và hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc kể từ khi có bằng tốt nghiệp đó
13. Bản chụp hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận quá trình làm việc
14. Bản chụp giấy tờ ghi nhận/chứng nhận thành tích, huy chương tại hội thi tay nghề ASEAN

.....⁽¹⁾..... ngày... tháng ... năm 20.....

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Ghi tên nghề đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽²⁾ Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

⁽³⁾ Đánh dấu X vào ô đáp ứng được điều kiện đó với trường hợp đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc trình độ kỹ năng nghề từ bậc 2 trở lên;

⁽⁴⁾ Địa danh tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.